

Số: /2026/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân; Quy định tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu;

Căn cứ Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ

Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 62/TTr-SNNMT-CCKSBVMT ngày 23 tháng 01 năm 2025 và Văn bản số 2151/SNNMT-CCKSBVMT ngày 11 tháng 02 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định Quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân; Quy định tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân; Quy định tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2026 và bãi bỏ các Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa (*trước sáp nhập*) ban hành quy định Quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân; Quy định tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và Quyết định số 76/2023/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (*trước sáp nhập*) quy định về tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như Điều 3;
- UB TV Quốc hội (báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cơ quan UB MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND;
- Các Sở, ban, ngành;
- Sở Tư pháp;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Khánh Hòa;
- Trung tâm Công báo và Cổng thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: VT, VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Huyền

QUY ĐỊNH

Quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân; Quy định tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm
2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân; tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; trách nhiệm, quyền hạn của các tổ chức và cá nhân liên quan trong việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân; các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải rắn từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng với tổng khối lượng dưới 300 kg/ngày lựa chọn hình thức quản lý chất thải rắn sinh hoạt như hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi chung là hộ gia đình, cá nhân); các cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Chất thải rắn sinh hoạt (còn gọi là rác thải sinh hoạt) là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người.
- Chủ nguồn thải là tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc được giao quản lý, điều hành cơ sở phát sinh chất thải.
- Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt là nơi chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt từ các loại phương tiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn thải,

khu vực công cộng, quét dọn vệ sinh đường phố để chuyển chất thải rắn sinh hoạt sang phương tiện cơ giới có tải trọng lớn.

4. Trạm trung chuyển là nơi tập kết và lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt tạm thời để trung chuyển lên xe và vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

5. Thu gom chất thải rắn sinh hoạt là hoạt động thu gom chất thải rắn sinh hoạt từ các chủ nguồn thải đến các điểm tập kết, trạm trung chuyển.

6. Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt là hoạt động vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ điểm tập kết, trạm trung chuyển đến khu xử lý hoặc trực tiếp từ các chủ nguồn thải đến khu xử lý.

7. Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt là nơi được quy hoạch để tiếp nhận và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

8. Lịch trình là thời gian, vị trí, tần suất, tuyến đường thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

Điều 4. Nguyên tắc chung về quản lý chất thải rắn sinh hoạt hộ gia đình, cá nhân

1. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt là trách nhiệm và nghĩa vụ của các hộ gia đình, cá nhân có hoạt động làm phát sinh chất thải rắn sinh hoạt và các cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển có liên quan.

2. Hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm phân loại tại nguồn phù hợp với mục đích quản lý, xử lý và chi trả giá dịch vụ cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt phải từng bước hướng đến đảm bảo theo nguyên tắc: hộ gia đình và cá nhân được hưởng lợi có nghĩa vụ tham gia và đóng góp tài chính cho hoạt động này; đối tượng gây ô nhiễm, suy thoái môi trường phải chi trả, bồi thường thiệt hại, khắc phục, xử lý và chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

4. Khuyến khích việc xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; việc đầu tư mới các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo hướng áp dụng các công nghệ xử lý chất thải thân thiện với môi trường, tiết kiệm tài nguyên đất, tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý thu hồi năng lượng và hạn chế tối đa việc chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt. Các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động đầu tư, tham gia xã hội hóa trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt được hưởng các chế độ ưu đãi về đầu tư và các ưu đãi khác theo quy định hiện hành.

5. Hạn chế sử dụng bao bì (túi) ni lông khó phân hủy để chứa chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại, khuyến khích sử dụng túi thân thiện môi trường để thay thế các túi ni lông khó phân hủy.

Chương II

QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

Điều 5. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt

1. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân loại tại nguồn phù hợp với mục đích quản lý, xử lý theo các nhóm như sau:

- a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tại chế (nhóm giấy, nhựa, kim loại, thủy tinh, vải, đồ da, đồ gỗ, cao su, thiết bị điện, điện tử thải);
- b) Chất thải thực phẩm;
- c) Chất thải rắn sinh hoạt khác (không bao gồm chất thải nguy hại phát sinh từ chủ nguồn thải).

2. Việc tổ chức thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt phải tuân thủ hướng dẫn chi tiết của cơ quan quản lý nhà nước.

Điều 6. Lưu giữ và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt

1. Chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn sau phân loại phải được lưu chứa trong bao bì (túi) hoặc thiết bị lưu giữ (thùng) riêng biệt, có dấu hiệu nhận biết loại chất thải theo các quy định hiện hành của pháp luật hoặc theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Bao bì (túi), thiết bị lưu giữ (thùng) chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Bảo đảm lưu chứa an toàn chất thải, có khả năng chống thấm, không làm rò rỉ nước rỉ rác và có kích thước phù hợp với lượng chất thải, thời gian lưu giữ.
- b) Bao bì (túi) phải được buộc kín, thiết bị lưu giữ (thùng) phải có nắp đậy kín để đảm bảo không phát tán mùi và có dán biển cảnh báo thông tin trên thân thùng.

3. Hộ gia đình, cá nhân ở đô thị phải chứa, đựng chất thải rắn sinh hoạt sau khi thực hiện phân loại theo quy định vào các bao bì, thiết bị lưu trữ để chuyển giao như sau:

- a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ

chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt;

b) Chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác phải được chứa, đựng trong bao bì, thiết bị lưu trữ theo quy định và chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; chất thải thực phẩm có thể được sử dụng làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi.

4. Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt sau khi thực hiện phân loại theo quy định thực hiện quản lý như sau:

a) Khuyến khích tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi;

b) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt;

c) Chất thải thực phẩm không thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt;

d) Chất thải rắn sinh hoạt khác phải được chứa, đựng trong bao bì, thiết bị lưu trữ theo quy định và chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

5. Khuyến khích hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt thực hiện phân loại, lưu giữ và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 7. Quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Điều kiện tham gia hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

a) Bảo đảm đủ yêu cầu về nhân lực, phương tiện và thiết bị chuyên dụng để thu gom, vận chuyển toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt tại những địa điểm đã quy định.

b) Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến điểm tập kết, trạm trung chuyển hoặc cơ sở xử lý bằng các phương tiện, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định; bố trí phương tiện, thiết bị thu gom, lưu giữ nước rỉ rác tại các trạm trung chuyển để chuyển giao cùng với chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị xử lý.

c) Có các thiết bị phương tiện thu gom, vận chuyển phù hợp với từng loại chất thải rắn sinh hoạt sau khi phân loại tại nguồn.

2. Phương tiện thu gom, vận chuyển phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

3. Quy định về thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

a) Hộ gia đình, cá nhân chuyển chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại đến điểm tập kết theo quy định hoặc chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trong khoảng thời gian theo quy định. Cơ sở thu gom chất thải rắn sinh hoạt sử dụng loa, chuông, kèng hoặc hình thức thông báo khác đã thỏa thuận với Ủy ban nhân dân cấp xã khi đến lấy chất thải rắn sinh hoạt.

b) Chủ dự án đầu tư, chủ sở hữu, ban quản lý khu đô thị mới, chung cư cao tầng, tòa nhà văn phòng phải bố trí thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với các loại chất thải theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của quy định này; tổ chức thu gom chất thải từ hộ gia đình, cá nhân và chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

c) Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có quyền từ chối thu gom chất thải rắn sinh hoạt có lẫn chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường từ các doanh nghiệp đến điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt ngoài phạm vi hợp đồng đã ký.

d) Quá trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải tuân thủ quy định kỹ thuật về thu gom chất thải rắn sinh hoạt và các quy định về phòng, chống dịch có liên quan của địa phương.

4. Việc cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đảm bảo chất lượng vệ sinh môi trường, nội dung hợp đồng đã ký kết và tuân thủ các quy định hiện hành về kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, thanh toán các hoạt động cung ứng dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt.

Điều 8. Điểm tập kết và trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Quy định kỹ thuật về điểm tập kết

a) Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

b) Giao Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để xác định lịch trình và quy mô tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt tại điểm tập kết phù hợp; bảo đảm an toàn giao thông; hạn chế tối đa hoạt động vào giờ cao điểm.

2. Quy định kỹ thuật về trạm trung chuyển

a) Trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 2 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, xác định lịch trình và quy mô tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt tại trạm trung chuyển.

Điều 9. Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường *(được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*. Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc phân cấp Ủy ban nhân dân cấp xã quy định cụ thể giá dịch vụ và hình thức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Chương III

QUY ĐỊNH TUYẾN ĐƯỜNG, THỜI GIAN VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Điều 10. Nguyên tắc xây dựng lộ trình vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Lộ trình vận chuyển phải tuân thủ các quy định của các cơ quan chức năng về giao thông tại khu vực (thời gian lưu thông, tải trọng của cầu, đường, đường cấm, đường một chiều,...) và phải đảm bảo tối ưu về cự ly vận chuyển và tình hình giao thông tại khu vực.

2. Xây dựng lộ trình theo nguyên tắc hạn chế vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ các điểm tập kết về trạm trung chuyển; ưu tiên thực hiện lộ trình thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ các điểm tập kết để vận chuyển thẳng về các cơ sở xử lý.

3. Chủ cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng lộ trình vận chuyển theo các quy định hiện hành và đảm bảo tiến trình công tác thu gom.

Điều 11. Tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Tuyến đường vận chuyển

Các tuyến đường giao thông trên địa bàn tỉnh được phép lưu thông theo quy định.

2. Thời gian vận chuyển

Đối với đường đô thị: thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ 18 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau.

Đối với đường ngoài khu vực đô thị: tùy từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt xây dựng thời gian cho phù hợp.

Các khung thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt nêu trên không áp dụng đối với những ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của Nhà nước hoặc các trường hợp khẩn cấp như thiên tai, bão lũ,...

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của hộ gia đình, cá nhân

1. Trách nhiệm

a) Thực hiện phân loại, lưu giữ và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Quy định này.

b) Thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan.

c) Giữ gìn vệ sinh nơi ở và nơi công cộng, thu gom, tập kết chất thải rắn sinh hoạt đúng nơi quy định; không được vứt, thải, đổ, bỏ chất thải rắn sinh hoạt ra môi trường không đúng nơi quy định; tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, đường làng, ngõ xóm, nơi công cộng do chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể phát động.

d) Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước trong công tác điều tra, khảo sát xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

đ) Giám sát và phản ánh các vấn đề liên quan đến giá dịch vụ hợp đồng, đánh giá chất lượng cung ứng các dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định với Ủy ban nhân dân cấp xã; phản ánh đến chính quyền địa phương đối với các trường hợp hộ gia đình, cá nhân vi phạm các quy định của Quy định này, gây mất vệ sinh khu vực đất do mình sở hữu, vỉa hè trước và xung quanh nhà, cơ sở hoặc trụ sở.

2. Quyền hạn

a) Được nhà nước bảo đảm việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt khi đã thanh toán đầy đủ chi phí dịch vụ theo quy định.

b) Được khen thưởng, tuyên dương và công nhận gia đình văn hóa khi tham gia thực hiện tốt phong trào, chương trình hoặc hiến kế, góp ý nhằm góp phần bảo vệ môi trường.

c) Đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp xã các vấn đề liên quan đến giá dịch vụ hợp đồng, đánh giá chất lượng cung ứng các dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

Điều 13. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Trách nhiệm

a) Thực hiện nghĩa vụ liên quan đến giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và quy định hiện hành liên quan.

b) Thực hiện đúng các quy định tại Điều 61 và khoản 1 Điều 62 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Quyền hạn

a) Được thanh toán đúng và đủ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo hợp đồng đã ký kết.

b) Đề xuất các biện pháp hỗ trợ hoặc thay thế nhằm làm giảm chi phí cũng như nâng cao chất lượng vệ sinh môi trường nhưng phải đảm bảo các biện pháp hỗ trợ hoặc thay thế này không trái với các quy định hiện hành.

c) Được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; chủ trì, phối hợp với các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra và thực hiện Quy định này.

b) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về việc phân loại cụ thể chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của hộ gia đình, cá nhân trong việc thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

d) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân liên quan

2. Sở Xây dựng

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng các điểm tập kết, trạm trung chuyển, cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo phân cấp và các quy định hiện hành.

b) Phối hợp Công an tỉnh quản lý các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định.

3. Sở Tài chính

Tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư công hàng năm cho các dự án theo ngành, lĩnh vực, cấp quản lý, thẩm quyền,...phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

4. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính kêu gọi, thu hút, hướng dẫn thực hiện thủ tục đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư tham gia đầu tư các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

5. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành khác

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân và các cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo đúng Quy định này.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chịu trách nhiệm tổ chức hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

2. Ban hành theo thẩm quyền quy định, chương trình, kế hoạch về quản lý chất thải rắn sinh hoạt. Hằng năm xây dựng và triển khai kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; Xây dựng kế hoạch, phương án hoặc nội dung thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

3. Tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ về quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

4. Tổ chức triển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định; tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nghiêm Quy định này và các quy định về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

5. Lựa chọn và công khai danh sách các cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

6. Thực hiện niêm yết công khai hợp đồng cung ứng dịch vụ đã ký kết với cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt để chủ nguồn thải giám sát, đánh giá.

7. Kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt xử lý hành vi vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo thẩm quyền; xem xét, giải quyết kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

8. Xây dựng tuyến thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phù hợp tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo tối ưu về cự ly vận chuyển và tình hình giao thông tại khu vực.

9. Chủ trì, phối hợp với cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, cộng đồng dân cư, tổ chức chính trị - xã hội ở địa bàn để xác định lịch trình thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phù hợp tình hình thực tế của địa phương; sắp xếp thời gian hoạt động của các điểm tập kết, trạm trung chuyển và các cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo công tác vệ sinh môi trường.

10. Hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho cơ sở thu gom, vận chuyển hoặc đến điểm tập kết đúng quy định; hướng dẫn cộng đồng dân cư giám sát và công khai trường hợp không tuân thủ quy định về phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt.

11. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc để xảy ra tình trạng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt không đúng nơi quy định, gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn quản lý.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Sở Nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Quy định này, định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường kết quả thực hiện theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Quy định này và chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra việc thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để phối hợp với các cơ quan chuyên môn hướng dẫn thực hiện.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.